



PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo yêu cầu báo giá số: 408/TTYT-KD ngày 25/04/2025 của Trung tâm Y tế thành phố Sông Công)

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
Tên gói thầu: Hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Sông Công				
Phần 1: Phim X Quàng cho máy in DRYSTAR 5302 hoặc tương đương (01 mặt hàng)				
1	Phim X-Quang khô laser (25x30cm)	Kích cỡ 25x30cm)	Tờ	7,000
Phần 2: Vật tư xét nghiệm cho máy sinh hóa Erba hoặc tương đương XL-300 (21 mặt hàng)				
1	Bóng đèn sinh hóa	- Điện áp danh nghĩa: 12,0 V - Công suất danh nghĩa: 20,00 W - 1 cái/hộp	Hộp	2
2	Cuvet đựng huyết thanh chuẩn	500 cái/túi	Cái	3,000
3	Dung dịch kiểm chuẩn nồng độ cồn trong máu	Huyết thanh chuẩn xét nghiệm HbA1c Liquid. - Huyết thanh chuẩn 4 mức. Hộp: Level 1 - 0,5ml, Level 2 - 0,5ml, Level 3 - 0,5ml, Level 4 - 0,5ml. - Chất đông khô	Hộp	2
4	Dung dịch rửa máy sinh hóa	Dung dịch rửa acid đã sẵn sàng sử dụng không cần pha - Thành phần: + Hydrochloric Acid 3% + Hộp 1x1 lít	Hộp	13
5	Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán bệnh lý đái tháo đường	- Độ tuyến tính: lên đến 15,5%. - Giới hạn phát hiện (LoD): 2,7% - Giới hạn định lượng (LoQ): 4% - Độ lặp lại với giá trị bình thường: 5.46%-CV%=1.45, n=80 - Hộp: R1 ≥ 60 ml (Latex particles ≤ 0.15%, Buffer, Reaction Accelerators, Sodium azid ≤ 0.1), R2 ≥ 20ml (Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody < 0.06 mg/mL, Anti human HbA1c Cross-Linked antibody (mAb-IgG), Reaction Accelerators, Buffer, Stabilizers. + Lyse- 200ml (Lysing agent, Sodium azid ≤ 0.1)	Hộp	10
6	Hóa chất xét nghiệm dư lượng men thận trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2.0 mg / dL - Độ tuyến tính: Lên đến 300 mg / dl. - Độ chính xác: 98,6%. Hộp ≥ 400 mL (Tris-HCl buffer pH 7,6 - 100mM. Sodium a-Ketoglutarate - 9mM. ADP - 0.7mM. NADH - 0.18mM. Urease ≥ 7.000 U/l. GLDH ≥ 2.000 U/l)	Hộp	8
7	Hóa chất xét nghiệm khả năng đào thải mỡ máu thành tim mạch	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 4 mg / dL - Độ tuyến tính: 500 mg / dL. Hộp: Ra. ≥ 75 mL (Good's buffer pH 7.0. 100mM. N-(2-hydroxy-3-sulphopropyl) 0.45mM) Rb. ≥ 25mL (Good's buffer pH 7.0. 100mM. 4-Aminoanti 1.2mM). STD. 5 mL	Hộp	15
8	Hóa chất xét nghiệm lượng acid uric trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 0,04 mg / dL - Độ tuyến tính: Lên đến 25 mg / dL. Hộp ≥ 400 mL (Pipes buffer pH 7.0 - 100mM. 3,5 Dichloro-2-hydroxy-sulphonate - 3.2mM. 4-Aminoantipyrine - 0.4mM. EDTA Na, H2O - 0.6mM. K3Fe(CN)6 - 0.1mM. Uricase ≥ 350 U/l. Peroxidase ≥ 1300 U/l)	Hộp	15
9	Hóa chất xét nghiệm lượng calci trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 1.5mg/dL - Độ tuyến tính: 15mg/dL (3.75mmol/L). Hộp ≥ 200 mL (Borate buffer pH 8.5 - 50mM. Arsenazo III - 0.1mM. 8-Hydroxyquinoleni - 12mM. Tenoactives)	Hộp	15

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
10	Hóa chất xét nghiệm lượng đường trong máu	* Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2.0 mg / dL *Độ tuyến tính: Lên tới 500 mg / dL. * Hộp ≥300 mL +ST 5ml. Phosphate buffer pH 6.8 - 100mM. P-hydroxybenzoic acid - 39.5mM. 4-aminoantipyrine - 0.8mM. Phenol - 4.5mM. Glucose oxidase ≥ 18kU/l. Peroxidase ≥ 1.1kU/l)	Hộp	18
11	Hóa chất xét nghiệm lượng men gan GPT trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 5 UI / mL. - Độ tuyến tính: Lên tới 550 U / L. - Độ chính xác: lên đến 98,1% - Hộp (R1:≥80ml mL + R2:≥40 mL). Thành phần: R1. Hóa chất Enzyme + R2. Hóa chất nền. (Tris-HCl buffer pH 7,8 - 90mM. L-alanine - 500mM. α-ketoglutaric acid-17mM. NADH - 0,18mM. LDH ≥800U/L.)	Hộp	10
12	Hóa chất xét nghiệm lượng mỡ trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2 mg / dL - Độ tuyến tính: 700 mg / dL. Hộp 8x50 mL (Mes buffer pH 6.5 - 75mM. Phenol - 6mM. 2,4-Dichlorophenol - 0.2mM. 4-Aminoantipyrine - 0.5mM. Cholesterol Esterase ≥ 500kU/l. Cholesterol Oxidase ≥ 300 kU/l. Peroxidase ≥ 1200 kU/l)	Hộp	8
13	Hóa chất xét nghiệm men gan GOT trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2 UI / ml - Độ tuyến tính: Lên tới 680 U / L. - Độ chính xác: lên đến 97,9% - Hộp (R1:≥160 mL + R2: ≥ 40 mL). Thành phần: R1. Hóa chất Enzyme + R2. Hóa chất nền. (Tris-HCl buffer pH 7,8 - 80mM. L-Aspartic acid - 240mM. α-ketoglutaric acid-12mM. NADH - 0.18mM. MDH ≥ 600U/L. LDH ≥ 800U/L.)	Hộp	10
14	Hóa chất xét nghiệm suy giảm chức năng thận trong máu	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 0,03 mg / dL - Độ tuyến tính: Lên đến 15 mg / dL. - Hộp ≥ 400 mL (Picric acid 55nN. Sodium carbonate 50nN. NaOH 0,40N)	Hộp	10
15	Hóa chất xét nghiệm tăng sinh mỡ máu thành tim mạch	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2 mg / dL - Độ tuyến tính: 200 mg / dL. Hộp : Ra. ≥75 mL (Polymer 0.8mM. N,N- bis 1,2mM) Rb. ≥ 25mL (Cholesterol ester ≥ 550kU/L. Cholesterol oxid ≥ 300kU/L. 4-Aminoanti 0.95mM). STD. 5 mL	Hộp	15
16	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	- Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 3.0 mg / dL - Độ tuyến tính: Lên đến 1000 mg Triglyceride / dl. - Độ chính xác: 98,5%. - Hộp ≥400 mL (Pipes buffer pH 6,8 - 50nM. 4-Chlorophenol - 4.2mM. 4-aminoantipyrine - 0.35mM. ATP - 2mM. Magnesium aspartate - 40mM. Glycero kinase ≥ 800U/l. Glycerol-3-phosphate oxidase ≥2000U/l. Peroxidase ≥ 500U/l. Lipases ≥ 9000U/l)	Hộp	8
17	Huyết thanh chuẩn	* Huyết thanh chuẩn các thông số sinh hóa. * Hộp Ra:≥7ml (huyết thanh chuẩn Lyoph), Rb: ≥10ml (Dung dịch pha loãng).	Hộp	6
18	Huyết thanh chuẩn HbA1C	Huyết thanh chuẩn xét nghiệm HbA1c Liquid. - Huyết thanh chuẩn 4 mức. Hộp: Level 1 - 0,5ml, Level 2 - 0,5ml, Level 3 - 0,5ml, Level 4 - 0,5ml. - Chất đông khô.	Hộp	4
19	Huyết thanh kiểm tra mức độ cao	Kiểm tra đa thông số mức cao bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL Lọ 5 mL.	Hộp	7
20	Huyết thanh kiểm tra mức trung bình	Kiểm tra đa thông số mức trung bình bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL Lọ 5mL.	Hộp	10
21	Xét nghiệm men gan do rượu	* Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 0,1g/l * Độ tuyến tính: lên đến 3,5g/l. * Hộp: R1 ≥80ml (Buffer pH 9.0 ≤ 260 mol/L. Stabilizers Preservatives) + R2 ≥20ml (Buffer pH 6.6 ≤ 10 mmol/L. NAD > 2 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) > 40 Ku/L)	Hộp	3

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
Phần 3: Vật tư răng (26 mặt hàng)				
1	Nhộng đặc A3	Dạng dẻo quang trùng hợp. Ít co, lực co thấp. Độ kháng mài mòn cao. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên. <u>Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc.</u>	Túi	10
2	Nhộng lỏng A3	Được sử dụng để trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, đặc biệt là xoang V. Màu sắc đa dạng, tự nhiên. Có độ cân quang cao, có độ chảy lỏng tuyệt vời có thể chạm đến những vùng khó tiếp cận nhất.	Túi	10
3	Composite	Dùng để trám, bít hố rãnh cho răng cửa và răng sâu. Có mức độ quang trùng hợp với độ sáng thấp và tính cân quang cao. Các màu: A1, A2, A3, A3.5	Tuýp	5
4	Etching	Thành phần : 37% acid phosphoric. Sử dụng trong kỹ thuật xoi mòn men hoặc xoi mòn toàn phần.	Tuýp	5
5	Bond	Được áp dụng trong quy trình trám răng, dính hạt,.. Được sử dụng để dán dính trên phục hình sứ và composite, phục hồi kim loại.	Lọ	5
6	Fuji 7	Vật liệu dùng để trám răng trẻ em, điều trị sâu răng. Thành phần: Vật liệu glass ionomer trám phòng ngừa hóa trùng hợp. Phóng thích flour gấp 6 lần so với các loại sealant khác nên chuyên dùng trám bít hố rãnh, phòng ngừa sâu răng cho trẻ em và người có nguy cơ cao sâu răng.	Hộp	2
7	Fuji 9	Được dùng để trám các loại xoang: xoang I; xoang II ít chịu lực, trám tái tạo cùi. Thành phần: Glass ionomer hoá trùng hợp, Fluoride, thủy tinh chứa strontium	Hộp	2
8	Mũi khoan EX24	Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan.	Vì	1
9	Đĩa đánh bóng	Được thiết kế đặc biệt để hoàn thiện và tạo độ bóng tự nhiên, thẩm mỹ cao cho các phục hình composite (trám răng composite, veneer composite, inlay/onlay composite)	Chiếc	1
10	Mũi khoan đỏ TR25F	Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Các chủng loại phù hợp với nhu cầu của bác sĩ	Vì	1
11	Mũi khoan vàng TR26 EF	Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Các chủng loại phù hợp với nhu cầu của bác sĩ	Vì	1
12	Mũi khoan xanh TR25	Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Các chủng loại phù hợp với nhu cầu của bác sĩ	Vì	1
13	Mũi khoan vàng CE 16EF	Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Các chủng loại phù hợp với nhu cầu của bác sĩ	Vì	1
14	Chất hàn tạm	Dùng cho trám tạm xoang răng sâu hoặc trám tạm ống tủy. Thành phần có chứa Hyfraulic Temporary Restorative	Lọ	2
15	Machit nhựa	Kích thước 10cmx1cm	Túi	1
16	Giấy cân răng	Dùng để ghi dấu khớp cắn của các răng tự nhiên và các loại phục hồi khác. Độ dày 40µm, dài 120mm.	Hộp	2
17	Giấy đánh chất hàn	Dùng trong trộn thuốc, vật liệu nha khoa	Tệp	4

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
18	Tra dầu tay khoan	Có công dụng bôi trơn tay khoan các loại, giúp gia tăng tuổi thọ của vòng bi và tay khoan, trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa.	Lọ	2
19	Thuốc tê răng bôi	Thành phần : Benzocaine 20%.	Lọ	2
20	Kim gây tê	Được sử dụng để gây tê trong điều trị nha khoa. Kim 27G	Hộp	2
21	Cán gương	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài cán khoảng 12,5cm	Cái	10
22	Đầu lấy cao răng	Dụng cụ nha khoa đượ sử dụng trong việc loại bỏ các mảng bám và cạo vôi dưới nướu.	Vi	2
23	Mặt gương nha khoa	Chất liệu kim loại tốt, mặt gương sáng bóng, bán kính khoảng 1cm-2cm	Cái	20
24	Súng bắn chất hàn	Súng được dùng để bơm composite lỏng dạng nhộng vào xoang trám.	Cái	2
25	Que bôi bond	Được làm bằng chất liệu PVC Đa dạng kích cỡ phù hợp với nhiều nhu cầu sử dụng: siêu mịn (trắng, tím), mịn (vàng), trung bình (xanh dương), lớn (xanh lá)	Lọ	5
26	Panh miệng mềm	Được làm từ nhựa an toàn, không gây kích ứng cho miệng. Thiết kế giúp bệnh nhân duy trì miệng mở trong quá trình điều trị nha khoa.	Cái	5

Phần 4: Vật tư cho máy điện tim CardiofaxS hoặc tương đương (01 mặt hàng)

1	Bộ điện cực máy điện tim	Bộ 6 cái/hộp	Bộ	1
---	--------------------------	--------------	----	---

Phần 5: Vật tư cho máy kéo dẫn HC Alfatrac hoặc tương đương (01 mặt hàng)

1	Bộ đai kéo dẫn	Chất liệu vải polyester hoặc nylon chịu lực cao. Thoáng khí, chống trượt, dễ làm sạch, không thấm mồ hôi.	Bộ	1
---	----------------	---	----	---

Phần 6: Các hóa chất vật tư, thiết bị Y tế khác (05 mặt hàng)

1	Huyết áp điện tử	Kích thước 10,5x15,3x8,7 cm. màu trắng. Trọng lượng 310g	Bộ	2
2	Huyết áp người lớn	Khoảng đo : 20 ~ 300mmHg với điểm giá trị bắt đầu từ 0 Độ chính xác: +-3mmHg trọng lượng : 430g Vòng bít bắp tay và túi Latex đi kèm	Cái	1
3	Đồng hồ đo oxy có bình làm ấm	Bình làm ấm thể tích 200ml	Bộ	2
4	Bảng đo thị lực có đèn	Bảng chữ hoặc bảng hình. Có móc treo tường hoặc để bàn, Dây nguồn: 2m,	bộ	1
5	Nhiệt ẩm kế tự ghi	Khoảng đo nhiệt độ-40 độ C đến 85 độ C, Khoảng đo độ ẩm10% - 99%, Độ chính xác nhiệt độ± 0.5 độ C, Độ chính xác độ ẩm± 3%	cái	1